TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HC-ST
Ngày: 19-02-2025.
V/v: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Vân.

Bà Phạm Thị Hồng Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bào Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 255/2024/TLST-HC ngày 10/7/2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2025/QĐXXST-HC ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1957; địa chỉ: 13/1 khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: 99/3 đường số 11, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (Có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 168 Trương Văn B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T – Chủ tịch (Có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Bùi Thị Hồng H – Phó trưởng Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Ông Võ Trung N – Phó trưởng Phòng nghiệp vụ 4 – Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Ông Ngô Văn V - Phó trưởng phòng tiếp công dân, tuyên truyền, vận động và giải quyết khiếu nại, tố cáo Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1973; địa chỉ: 14/1 khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh B

Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1977; địa chỉ: 1171/2A khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Lê Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: 99/3 đường 11, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Lê Quốc T, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh B

Ông Lê Hữu P, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 8 đường D6, KBT T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Tất cả ủy quyền cho ông Lê Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: 99/3 đường 11, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01255.QSDĐ/LB do Ủy ban nhân dân Quận c (nay là thành phố T) cấp ngày 05/3/2002 cho hộ bà Hồ Thị Ư diện tích 11.047m^2 đất, mục đích sử dụng là lúa, ngày 06/4/2011 cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc H. Ngày 26/4/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 4373/QĐ-UBND thu hồi phần diện tích 5.055,3m^2 của ông (bà) Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế của ông Lê Văn T (chết năm 2018). Vị trí thuộc một phần thửa số 11 và đường, tờ bản đồ số 93 (theo tài liệu năm 2003), Bộ địa chính phường L, thành phố T tương ứng thuộc thửa số 187 và một phần các thửa số 186,227,228,229,230 tờ bản đồ số 16 (Theo tài liệu 02/CT-UB), xã L, xác định tại bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH dịch vụ đo đạc và Tin học L lập ngày 02/3/2023 và được Ủy ban nhân dân phường L xác nhận ngày 10/3/2023 để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (trên địa bàn thành phố T), (gọi là Dự án).

Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định 4490/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế của ông Lê Văn T với số tiền 31.217.009.395 đồng theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 288.LB/PABT –HĐBT. Cụ thể là bồi thường phần diện tích đất 5.055,3m^2 theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm – Vị trí 2 (đường số 6, phường L) với đơn giá là 6.161.000 đồng/m^2.

Ngày 09/10/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn khởi kiện của bà H yêu cầu: Hủy Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế của ông Lê Văn T để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (trên địa bàn thành phố T). Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T phải ban hành quyết định mới theo đúng quy định của pháp luật.

Lý do Quyết định số 4490/QĐ-UBND xác định loại đất thu hồi là đất trồng cây hàng năm khác là không chính xác, vì gia đình bà đã làm đơn đăng ký lập vườn để chuyển đổi từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm, đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và Ủy ban nhân dân Quận C ký chấp thuận vào ngày 08/8/2003. Thực tế sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, gia đình bà đã trồng cây ăn trái, cây làm cảnh quan và hoa màu liên tục cho đến khi Nhà nước thu hồi đất. Việc Ủy ban xác định loại đất không chính xác dẫn đến áp dụng mức giá bồi thường không thỏa đáng, hơn nữa với đơn giá được bồi thường gia đình bà không thể mua được đất với điều kiện tương tự tại khu vực lân cận, thậm chí ở những khu vực xa như Đồng Nai hay Bình Dương. Theo quy định của pháp luật thì trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình thì hộ gia đình sẽ được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, Quyết định nêu trên không đề cập đến phần hỗ trợ này.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày qua văn bản số 11770/UBND - BBT ngày 29/11/2024, nội dung như sau: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế của ông Lê Văn T có phần diện tích đất 5.055,3m^2 bị ảnh hưởng trong Dự án theo Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12/01/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Thông báo số 562/TB-UBND thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế của ông Lê Văn T. Ngày 16/02/2023, Tổ công tác của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án lập Biên bản số 288/BB-HĐBT kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất trong Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh tại phường L đối với trường

hợp của bà Nguyễn Thị Ngọc H là đại diện. Ngày 27/3/2023, Ủy ban nhân dân phường L lập Giấy xác nhận pháp lý số 149/GXN-UBND đối với Bà Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế của ông Lê Văn T (chồng bà H đã chết). Ngày 26/4/2023, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án ban hành Phương án số 288.LB/PABT-HĐBT đối với ông (bà) Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế phần di sản của ông Lê Văn T đã chết. Ngày 26/4/2023, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định số 4373/QĐ-UBND thu hồi phần đất diện tích 5.055,3m^2 của ông (bà) Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế phần di sản của ông Lê Văn T đã chết. Cùng ngày 26/4/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 4490/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án số 288.LB/PABT-HĐBT ngày 26/4/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông (bà) Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế phần di sản của ông Lê Văn T với số tiền 31.217.009.395 đồng (trong đó giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất là 31.145.703.300 đồng).

Căn cứ áp giá bồi thường phần diện tích đất 5.055,3m^2 theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm - Vị trí 2 (đường số 6, phường Long Bình), với đơn giá là 6.161.000 đồng/m^2 là Giấy xác nhận pháp lý số 149/GXN-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân phường L; Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án thành phần 2 đường Vành đai 3 trên địa bàn thành phố T; điểm 4.1, khoản 4, Mục I, Phần B của Chính sách số 314/CSBT- HĐBT ngày 26/4/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần 2 đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn thành phố T được phê duyệt tại Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T.

Phần diện tích đất 5.055,3m^2 đã được Ủy ban nhân dân Quận C cấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T217275 (số vào sổ 01255 QSDĐ/LB) ngày 05/03/2002 cho hộ bà Hồ Thị Ư và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 9 cập nhật biến động cho bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 06/4/2011. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hàng năm (đất trồng lúa). Ủy ban nhân dân thành phố T chiết tính bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp, vị trí 2 đường số 6, phường L với đơn giá 6.161.000 đồng/m^2 là phù hợp với quy định pháp luật.

Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Điều 30 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp giải tỏa của ông (bà) Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế phần di sản của ông Lê Văn T đã chết không trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo mục đích sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T217275 (số vào

sổ 01255 QSDĐ/LB) ngày 05/03/2002 cho hộ bà Hồ Thị Ư và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận C cập nhật biến động cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 06/4/2011, nên không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định nêu trên.

Từ những nhận định và căn cứ trên, Ủy ban nhân dân thành phố T giữ nguyên nội dung Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông (bà) Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế phần di sản của ông Nguyễn Văn T đã chết trong Dự án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thống nhất với ý kiến của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông (bà) Nguyễn Thị Ngọc H bởi vì đơn giá đất trong Quyết định 4490/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố T xác định loại đất thu hồi là đất trồng cây hàng năm khác với đơn giá 6.161.000 đồng/m^2 là không chính xác vì gia đình đã làm đơn đăng ký lập vườn để chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt vào ngày 08/8/2003 và khi kiểm điếm thực tế gia đình đã trồng cây ăn trái, cây làm cảnh quan nên phải được xác định là đất trồng cây lâu năm với đơn giá là 6.642.000 đồng/m^2. Đối với yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm xin được rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bị kiện có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như ban đầu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01255.QSDĐ/LB, mục đích sử dụng là trồng lúa. Hộ gia đình bà H có làm đơn xin chuyển mục đích sử dụng nhưng chưa hoàn thành, hồ sơ đã bị trả lại. Trên đơn đăng ký lập vườn của hộ bà Ư, Ủy ban phường cho phép là chuyển đổi cây trồng, vị trí khu đất thuộc quy hoạch nên sẽ không cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Mặc khác, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ cập nhật thời gian sử dụng không cập nhật chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Do đó, về mặt pháp lý trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích là trồng lúa nên người khởi kiện yêu cầu bồi thường với đơn giá đất trồng cây lâu năm là 6.642.000 đồng/m^2 là không có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, phía người khởi kiện đã rút nên Ủy ban nhân dân thành phố T không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Về nội dung: căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố T là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính thuộc quan hệ tranh chấp về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư". Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 4490/QĐ-UBND được ban hành ngày 26/4/2023. Ngày 09/10/2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của bà H. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, thì đơn khởi kiện của bà H còn thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[4]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 4490/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

[5]. Về nội dung:

[5.1]. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01255.QSDĐ/LB được cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 06/4/2011 diện tích đất 11.047m^2. Bà H và các đồng thừa kế của ông Lê Văn T bị thu hồi một phần diện tích đất là 5055,3m^2 để thực hiện Dự án. Như vậy, diện tích đất bị thu hồi của Bà H và các đồng thừa kế có đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

[5.2]. Theo bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Đo đạc và Tin học L lập ngày 02/3/2023 được Ủy ban nhân dân phường L xác nhận ngày 10/3/2023 thì ranh giới khu đất được xác định là vị trí 2 (đường số 6, phường L). Phần diện tích đất 5.055,3m^2 bị thu hồi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T217275 (số vào sổ 01255 QSDĐ/LB) ngày 05/03/2002) mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm (đất trồng lúa). Căn cứ vào Chính sách số 314/CSBT-HĐBT ngày 26/4/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thì đơn giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại vị trí trên là 6.161.000 đồng/m^2. Như vậy, căn cứ vào mục đích sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01255 QSDĐ/LB, Ủy ban nhân dân thành phố T chiết tính bồi

thường theo đơn giá đất nông nghiệp, vị trí 2 với đơn giá 6.161.000 đồng/m^2 x 5.055,3m^2 = 31.145.703.300 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[5.3]. Tại phiên tòa người khởi kiện rút yêu cầu về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và đồng ý với các phần khác trong Quyết định 4490/QĐ-UBND nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu xác định loại đất sử dụng được bồi thường trong Quyết định.

Như vậy, Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế của ông Lê Văn T để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (trên địa bàn thành phố T). kèm theo Phương án số 288.LB/PABT –HĐBT được ban hành đúng quy định pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hành chính sơ thẩm*:* Bà H trên 60 tuổi được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà H không có đơn xin miễn án phí và yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H và các đồng thừa kế của ông Lê Văn T để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường

Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (trên địa bàn thành phố T).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005433 ngày 04/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Bảo Thu